

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 14-4-2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Minh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ngẫu

Ông Nguyễn Văn Hươn

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lý Kim Yến – Là Thư ký
Toà án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Đình Tất – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 944/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị A K, sinh năm 1998

Địa chỉ: Số 274, Tổ 5, Ấp 3, xã P, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thành S, sinh năm 1988

HKTT: Số 11, đường L, Tổ 26, khu P, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Số 8, Tổ 31, khu C, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

(Chị K và anh S vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/9/2019 và các lời khai tại hồ sơ, nguyên đơn chị Trần Thị A K trình bày:

Chị và anh Nguyễn Thành S chung sống với nhau từ năm 2016 nhưng đến năm 2017 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện Long Thành cấp giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 14 tháng 4 năm 2017. Việc kết

hôn do chị và anh S đều tự nguyện. Nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thành S. Nguyên nhân chị K yêu cầu ly hôn là do vợ chồng chung sống không hạnh phúc, tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã. Chị và anh Sơn đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2017 cho đến nay.

Về con chung: Chị K và anh S có 01 người con chung là cháu Nguyễn Hữu Thiên B, sinh ngày 18/02/2017. Nếu ly hôn, chị K giao cháu B cho anh S nuôi dưỡng, Chị K không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị K khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị K đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật

Theo bản tự khai ngày 10/3/2020, bị đơn anh Nguyễn Thành S trình bày:

Anh và chị K chung sống với nhau từ năm 2017 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện Long Thành cấp giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 14 tháng 4 năm 2017, việc kết hôn do cả hai tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống. Nay anh S xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị K xin ly hôn, anh S đồng ý thuận tình.

Về con chung: Anh S khai giữa anh và chị K có 01 con chung tên Nguyễn Hữu Thiên B, sinh ngày 18/02/2017. Nếu ly hôn, anh đồng ý nuôi cháu B và không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh S khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh S đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị K; giao con chung là cháu Nguyễn Hữu Thiên B, sinh ngày 18/02/2017 cho anh S nuôi dưỡng, anh S nuôi con không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị A K, bị đơn anh Nguyễn Thành S có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Trần Thị A K, bị đơn anh Nguyễn Thành S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị A K và anh Nguyễn Thành S xây dựng gia đình với nhau năm 2017 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện Long Thành cấp giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 14 tháng 4 năm 2017 nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo Điều 8 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Chị K xin ly hôn, anh S đồng ý thuận tình. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị K, xử cho chị K được ly hôn với anh S là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nuôi con chung: Chị K và anh S có 01 người con chung là cháu Nguyễn Hữu Thiên B, sinh ngày 18/02/2017. Chị K yêu cầu giao con cho anh S nuôi dưỡng, anh S cũng đồng ý. Vì vậy, Hội đồng xét xử xử giao cháu B cho anh S nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh S nuôi con không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị A K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 174, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 8; Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của chị Trần Thị An K đối với anh Nguyễn Thành S.

Xử cho chị Trần Thị A K được ly hôn với anh Nguyễn Thành S.

Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Hữu Thiên B, sinh ngày 18/02/2017 cho anh Nguyễn Thành S nuôi dưỡng. Tạm thời chị K không cấp dưỡng nuôi con.

Chị K được quyền đến thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

2. Về án phí: Chị Trần Thị A K phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002871 ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị K đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND huyện Long Thành (1);
- Chi cục THADS huyện Long Thành (1);
- UBND xã P (GCNKH số 47/2017) (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu (3).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Minh Thảo

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Ngẫu – Nguyễn Văn Hương

Bùi Thị Minh Thảo